

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày 10 - 9 - 2020*

*V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tân Nghị

Bà Lê Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa:**  
Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-DS ngày 25.8.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47a/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04.9.2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1994; trú tại: Thôn P, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Bùi L, sinh năm 1984; trú tại: Thôn C, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Bùi L đã kết hôn trên tinh thần tự nguyện năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông L hay say xỉn, ghen tuông vô cớ, vợ chồng không có được tiếng nói chung và vợ chồng đã ly thân từ tháng 8.2019 đến nay, bà và con chung về nhà ở cùng bố, mẹ bà tại Thôn P, xã H, huyện Hòa Vang. Nay, bà xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi L.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Bùi L có 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 28.3.2013. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Ông Bùi L vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án nên không có bản tự khai.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Trần Thị N được ly hôn với ông Bùi L.

Về con chung: Giao 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 28.3.2013 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông Bùi L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Trần Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]** Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” giữa bà Trần Thị N và ông Bùi L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ quy định Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông L.

**[2]** Về nội dung vụ án:

**[2.1]** Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N và ông Bùi L đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng ngày 16.5.2013; đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng bà N chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông L hay say xỉn, ghen tuông vô cớ, hai vợ chồng không có được tiếng nói chung. Từ tháng 8.2019 đến nay vợ chồng đã ly thân, bà N và cháu M về nhà bố, mẹ bà tại Thôn P, xã Hòa Khương, huyện Hòa Vang sinh sống. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa mà vẫn không có mặt, điều đó thể hiện ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, xây

dựng hạnh phúc gia đình. Theo Biên bản xác minh ngày 20.8.2020 thì bà N và ông L hay xảy ra mâu thuẫn do ông L thường xuyên say xỉn nên bà N cùng con đã về nhà bố mẹ bà N ở xã H, huyện Hòa Vang. Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện vợ chồng bà N và ông L sống ly thân, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa bà N giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc ly hôn với ông Bùi L là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Bà Trần Thị N và ông Bùi L có 01 con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 28.3.2013. Ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi cháu M. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu M được ở với mẹ, đồng thời, hiện nay cháu M đang ở ổn định với bà N không nên xáo trộn cuộc sống, học tập của cháu. Vì vậy, yêu cầu của bà Trần Thị N giao 01 con chung là Bùi Đức M cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm bà Trần Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Theo những nhận định như trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” đối với ông Bùi L.

#### **2. Xử:**

\* Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị N được ly hôn với ông Bùi L.

\* Về con chung: Giao con chung là Bùi Đức M, sinh ngày 28.3.2013 cho bà Trần Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; ông Bùi L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3.** Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà Trần Thị N phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai số 0000229 ngày 29.5.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng. Bà N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**4.** Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 10.9.2020, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng kết hôn số 63/2013 ngày 16.5.2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Diệp**